**EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: trò chơic. Hình thức: nhóm đôi |
| Trò chơi ĐỐ BẠNGV: viết số lên bảng. Ví dụ: 513.GV: Chữ số 3 ở hàng nào?Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội. | Hs tham gia trò chơi theo nhóm.Cả lớp: đọc số “năm trăm mười ba”.Cả lớp: Chữ số 3 ở hàng đơn vị. |
| **2. Hoạt động luyện tập (28 phút):** a. Mục tiêu: Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp thực hành, đàm thoại, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. c. Hình thức: **Cá nhân - Cặp - Lớp** |
| Bài 1:Gv yêu cầu hs thực hiện cá nhânGv theo dõi nhận xét.Bài 2:Gv hướng dẫn hs cách làmGv yêu cầu hs làm vào bảng conNhận xét tập của hs.*Lưu ý:* GV cũng có thể đọc lần lượt từng phép tính cho cả lớp thực hiện trên bảng con.Bài 3:Gv hướng dẫn hs cách làmGv yêu cầu hs làm vào bảng conNhận xét tập của hs.*Lưu ý:* GV cũng có thể đọc – viết lần lượt từng biểu thức trên bảng lớp, cho cả lớp thực hiện trên bảng con.Bài 4: Gv hướng dẫn hs cách làmGv yêu cầu hs thực hiện nhóm đôi Đại diện nhóm báo cáoNhận xét | HS thực hiện cá nhân.– HS trình bày trước lớp: Nói kết quả và giải thích tại sao chọn ý đó. HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính; tính tổng là làm phép cộng, tính hiệu làlàm phép trừ.– HS thực hiện (bảng con).– HS tìm hiểu bài, nhận biết: tính giá trị của biểu thức.– HS thực hiện (bảng con).HS thực hiện nhóm đôi.– Tìm hiểu bài: chỉ cần thay dấu hỏi bởi số thích hợp.– thảo luận, tìm cách thực hiện. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (3 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp trò chơi. c. Hình thức: nhóm 4 |
| Trò chơi AI NHANH HƠN?Gv chia nhóm và hướng dẫn cách chơiNhận xét tuyên dương hs thắng  | Hs tham gia trò chơi theo nhóm- Về nhà xem lại bài chuần bị bài “Em làm được những gì? Tiết 2” |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**BÀI 23: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cô giao.

- Trách nhiệm: Tự giác trong việc tự học, hoàn thành nhiệm vụ cô giao.

- Trung thực: Chia sẻ chân thật nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân

2. Năng lực chung:

**- Tự chủ và tự học:** Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

**- Giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

3. Năng lực đặc thù:

**- Giao tiếp toán học:** Hệ thống hóa các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán; củng cố về điểm, đoạn thẳng, bảng các đơn vị đo độ dài.

 **- Tư duy và lập luận toán học:** Thực hiện các phép tính trong phạm vi 1000.

**- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học:**

**- Giải quyết vấn đề toán học:** Giải quyết vấn đề đơn giản về ý nghĩa các phép tính.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; hình vẽ bài tập 6, bảng cho bài 7.

**2. Học sinh:**

**-** Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp: Trò chơi “Đố bạn”c. Hình thức: Nhóm đôi, đội |
| -GV: viết số 513 lên bảng?-GV: Chữ số 3 ở hàng nào? | -Cả lớp: đọc số “năm trăm mười ba”.-Cả lớp: Chữ số 3 ở hàng đơn vị.-HS tiếp tục chơi theo đội |
| **2. Hoạt động Luyện tập (... phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (10 phút): Bài 5**a. Mục tiêu: HS biết giải bài toánb. Phương pháp, hình thức tổ chức: cá nhân |
| -GV hướng dẫn HS phân tích đề-GV hỏi:+Bài toán cho biết gì?+Bài toán hỏi gì?-Bà sinh mẹ năm bà 25 tuổi nên bà hơn mẹ bao nhiêu tuổi?-Mẹ sinh Tâm năm mẹ 30 tuổi nên mẹ hơn Tâm bao nhiêu tuổi?-Muốn biết bà bao nhiêu tuổi thì ta cần biết gì trước?-GV yêu cầu HS làm bài vào vở (5 phút)-GV nhận xét-GV kiểm tra lại:* Các số trong hai phép tính có đúng số đề bài cho không.
* Chọn phép tính có đúng không.
* Kết quả phép tính có đúng không.
* Các câu lời giải có cần sửa lại không.

-Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. | -HS quan sát-HS trả lời:+Bà sinh mẹ năm 25 tuổi Mẹ sinh Tâm năm 30 tuổi Tâm 9 tuổi+Năm nay bà bao nhiêu tuổi?-Bà sinh mẹ năm bà 25 tuổi nên bà hơn mẹ 25 tuổi.-Mẹ sinh Tâm năm mẹ 30 tuổi nên mẹ hơn Tâm 30 tuổi.-Muốn biết bà bao nhiêu tuổi thì ta cần biết tuổi mẹ trước.-HS làm bài vào vở (5 phút) Bài giảiSố tuổi của mẹ năm nay là:        9 + 30 = 39 (tuổi)Số tuổi của bà năm nay là:        39 + 25 = 64 (tuổi)                 Đáp số: 64 tuổi.-HS nhận xét |
| **2.2 Hoạt động 2 (8 phút): Bài 6**a. Mục tiêu: HS biết đọc tên đỉnh và cạnh của hình tam giácb. Phương pháp, hình thức tổ chức: nhóm đôi |
| -GV yêu cầu HS đọc yêu cầu-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (2 phút) +Hình tam giác ABC có: 3 đỉnh là: ?, ?, ?. A 3 cạnh là: ?, ?, ?. B C-GV nhận xét-GV có thể giúp HS đọc tên hình tam giác, tên các đỉnh, cạnh theo thứ tự khác nhau.Ví dụ: Tam giác BAC, BCA, CAB,…. | -HS đọc yêu cầu BT-HS thảo luận nhóm đôi tìm câu trả lời-HS đại diện nhóm trình bày trước lớp (vừa nói vừa chỉ vào hình vẽ)+Hình tam giác ABC có: 3 đỉnh là: A, B, C.  3 cạnh là: AB, AC, BC.-HS nhận xét |
| **2.3 Hoạt động 3 (8 phút): Bài 7**a. Mục tiêu: HS biết mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài; biết sắp các số đo theo thứ tự từ lớn đến bé.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: nhóm 4 |
| -GV yêu cầu HS đọc yều cầu-GV hướng dẫn:a) Các đơn vị từ mét tới mi-li-mét, mỗi đơn vị đứng trước bằng bao nhiêu đơn vị liền sau nó?b) Cần chuyển đổi về cùng một đơn vị đo mét để so sánh rồi sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.-GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 (3 phút) để hoàn thành BT-GV nhận xét | -HS đọc yêu cầu-Các đơn vị từ mét tới mi-li-mét, mỗi đơn vị đứng trước bằng 10 đơn vị liền sau nó.-HS dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài tương ứng để thực hiện.-HS đại diện nhóm trình bàya)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| km | m | dm | cm | mm |
|  1km = 1000m | 1m = 10dm= 100cm=1000mm | 1dm= 10cm= 100mm | 1cm= 10mm | 1mm |

b) Từ lớn đến bé:1km, 300cm, 2m-HS nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng (4 phút)**  |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (4 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp: Trò chơi: AI NHANH HƠN?c. Hình thức tổ chức: đội |
| -GV chia lớp thành 2 đội thi đua-GV ghi số (số đo) lên bảng và yêu cầu HS viết các số thành tổng các hàng (hoặc đổi đơn vị đo)-GV: có thể chơi ba lần để xác định đội thắng (đội nào đúng nhiều hơn thì thắng cuộc)-GV nhận xét tiết học-GV dặn dò | -HS thực hiện yêu cầu vào bảng-HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................